

Số: 06 /BVM-KD

Quảng Trị, ngày 05 tháng 02 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Mắt Nam Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng kế hoạch mua sắm hoá chất, thiết bị y tế năm 2026-2027, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Mắt Nam Quảng Trị

2. Thông tin liên hệ:

- Họ tên người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thị Khánh Huyền

- Số điện thoại: 0972334267

3. Cách thức tiếp nhận báo giá/cấu hình, tính năng kỹ thuật

- Nhận trực tiếp tại bộ phận Văn thư Bệnh viện.

- Địa chỉ: Bệnh viện Mắt Nam Quảng Trị, số 309 Hùng Vương, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Hoặc nhận qua email: khoaduocbvmqt2025@gmail.com (đồng thời đơn vị/nhà cung cấp gửi kèm bản giấy báo giá theo yêu cầu)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải thông báo yêu cầu báo giá đến trước 08 giờ 00 ngày 26/02/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu: 180 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hoá chất, thiết bị y tế: Theo phụ lục 1 đính kèm

2. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hoá, dịch vụ phù hợp với khả năng của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

III. Địa điểm cung cấp hàng hoá: Bệnh viện Mắt Nam Quảng Trị, địa chỉ: 309 Hùng Vương, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản, bảo hành và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

IV. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng từng đợt ≤ 05 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện, thời gian 18 tháng.

V. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng

- Thanh toán: Từng đợt, theo số lượng giao hàng thực tế tại bệnh viện trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao và đơn vị xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

VI. Thành phần hồ sơ báo giá

- Báo giá: Theo Mẫu số 01 - Phụ lục 2

(kèm Quyết định trúng thầu hàng hoá, hợp đồng liên quan (nếu có))

- Bảng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: Theo Mẫu số 02 - Phụ lục 2

- Tài liệu kỹ thuật liên quan:

+ Catalogue bản Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bản;

+ Chứng nhận chất lượng: ISO; CE; FDA kèm bản dịch Tiếng Việt: 01 bản.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (để đăng tải);
- Lưu: VT, KD.


Bùi Thị Vân Anh





Phụ lục 1: DANH MỤC HÀNG HOÁ MỜI BÁO GIÁ
(Kèm theo hồ sơ mời chào báo giá số: 04 /BVM-KD ngày 05/02/2026)

Stt	Tên hoá chất, thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch nhuộm bao dùng trong phẫu thuật mắt	Trypan blue 0.06%; dung tích $\geq 1\text{ml}$, đóng gói tiệt trùng		Ống/Lọ	400
2	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 2.4 %	Hydroxypropyl methyl cellulose $\geq 2.4\%$; độ nhầy: 6.000-8.000 mPas; độ thấm thấu: 270-400 mOsm/kg; dung tích 2ml/xilanh		Ống/Lọ/Hộp	1.000
3	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 2%	Hydroxypropyl methyl cellulose $\geq 2\%$; độ nhớt: 4.000 - 5.000 mPas, dung tích 2ml/xilanh		Ống/Lọ/Hộp	1.500
4	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco	Hydroxypropyl methyl cellulose $\geq 2\%$; dung tích 2ml/xilanh		Ống/Lọ/Hộp	2.000
5	Dây silicon nói lệ quản	- Chất liệu: Silicon - Chiều dài: $\geq 40\text{mm}$ - Đường kính dây từ 0.6mm - 0.7mm - Đường kính vành nút $\leq 2\text{mm}$ - Đóng gói vô trùng		Cái/Sợi	15
6	Dây silicon phẫu thuật lệ quản	Dây chất liệu silicon, đường kính dây từ 0.6mm - 0.7mm, có kim 2 đầu, 2 đầu có điểm lệ và dụng cụ kéo. Đóng gói vô trùng.		Cái/Sợi	20
7	Que nhuộm màu giác mạc	Mỗi que chứa 1mg fluorescein Sodium, đóng gói tiệt trùng.		Que	1.000
8	Bơm tiêm Insulin 1ml	Bơm tiêm được làm từ nhựa Polypropylene (PP) nguyên sinh, cỡ kim: 8mm x 30G, sắc nhọn. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương		Cái	500

9	Ống dẫn lưu thủy dịch nhân tạo	Ống dẫn lưu thủy dịch mềm sử dụng trong điều trị Glaucoma không có van, đảm bảo vô khuẩn, chất liệu Silicone, đường kính ngoài $\leq 0.457\text{mm}$, đường kính trong $\leq 0.127\text{mm}$, kích thước đĩa thoát lưu $\geq 17 \times 23\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.		Cái/Ống	30
10	Bộ cắt dịch kính tổng hợp dùng một lần	- Tiết trùng sẵn, loại 23G - Bao gồm: + Đầu cắt dịch kính tốc độ 5.000 lần/phút; + Dây dẫn sáng nội nhãn; + Bộ troca; + Hệ thống ống dây tưới; + Dây tưới nước; + Dây dẫn khí; + Ba chạc; + Túi bọc cho điều khiển. - Phù hợp với máy cắt dịch kính Faros		Bộ	20
11	Đầu cắt dịch kính khí động học	+ Đầu cắt dòng liên tục + Loại 23G + Tiết trùng sẵn + Phù hợp với máy cắt dịch kính Faros		Cái	15
12	Dây dẫn sáng nội nhãn 23G	+ Có bọc bảo vệ + Có đầu ấn cùng mạc + Kết nối thuận tiện + Tiết trùng sẵn + Phù hợp với máy cắt dịch kính Faros		Cái	15
13	Bộ bơm tháo dầu nội nhãn	+ Đầu kim bơm loại khoan nhanh, phù hợp cho kích thước 23G + Dung tích 10ml + Tiết trùng sẵn + Phù hợp với máy cắt dịch kính Faros		Bộ	10

14	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu, phi cầu, càng chữ C	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc ánh sáng xanh và tia cực tím 4. Thiết kế: Phi cầu, kiểu càng chữ C kép, 4 điểm tựa 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ $\geq 10,5\text{mm}$ đến $\leq 11,5\text{mm}$ 6. Đường kính quang học: Từ $\geq 6\text{mm}$ đến $\leq 6,5\text{mm}$ 7. Chỉ số khúc xạ: $>1,5$ 8. Chỉ số Abbe: ≥ 42 9. Dây công suất: Từ $+10.0\text{ D}$ đến $+35.0\text{D}$ 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và CE hoặc tương đương 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	50
15	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, phi cầu, 2 càng	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu kéo dài tiêu cự 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc tia cực tím 4. Thiết kế: Phi cầu, hai càng 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ $\geq 10,5\text{mm}$ đến $\leq 11\text{mm}$ 6. Đường kính quang học: Từ $\geq 6\text{mm}$ đến $\leq 6,5\text{mm}$ 7. Chỉ số khúc xạ: $<1,5$ 8. Dây công suất: Từ $+5.0\text{ D}$ đến $+30.0\text{D}$ 9. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và CE hoặc tương đương 10. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 11. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	100

16	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự, phi cầu, càng chữ C	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc tia cực tím 4. Thiết kế: Phi cầu, càng chữ C, cầu sai > - 0,3μm đến ≤ - 0,2μm 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ ≥ 12,5mm đến ≤ 13mm 6. Đường kính quang học: Từ ≥ 6mm đến ≤ 6,5mm 7. Chỉ số khúc xạ: Từ ≥ 1,47 đến ≤ 1,48 8. Chỉ số Abbe: ≥ 55 9. Dây công suất: Từ +6.0D đến +34.0D 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA hoặc CE và FDA 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	700
17	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự, phi cầu, 4 càng	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím 4. Thiết kế: Phi cầu, 4 càng 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ ≥ 10,5mm đến ≤ 11mm 6. Đường kính quang học: Từ ≥ 5,75mm đến ≤ 6mm 7. Chỉ số khúc xạ: > 1,5 8. Chỉ số Abbe: ≥ 42 9. Dây công suất: Từ +10.0D đến +30.0D 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và EC hoặc tương đương 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	700

18	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, cầu, càng chữ C	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc tia cực tím 4. Thiết kế: Cầu, càng chữ C 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ $\geq 12,5\text{mm}$ đến $\leq 13\text{mm}$ 6. Đường kính quang học Từ $\geq 6\text{mm}$ đến $\leq 6,5\text{mm}$ 7. Chỉ số khúc xạ: Từ $\geq 1,47$ đến $\leq 1,48$ 8. Chỉ số Abbe: ≥ 55 9. Dãy công suất: Từ $+6.0\text{D}$ đến $+30.0\text{D}$ 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và FDA hoặc CE và FDA 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	500
19	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, phi cầu, 4 càng	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím 4. Thiết kế: Phi cầu, 4 càng, cầu sai $> -0,2\mu$ đến $< -0,1\mu$ 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ $\geq 10,5\text{mm}$ đến $\leq 11\text{mm}$ 6. Đường kính quang học: Từ $\geq 5,75\text{mm}$ đến $\leq 6\text{mm}$ 7. Chỉ số khúc xạ: Từ $\geq 1,48$ đến $\leq 1,53$ 8. Chỉ số Abbe: ≥ 42 9. Dãy công suất: Từ 0D đến $+30.0\text{D}$ 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và CE hoặc tương đương 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	1.500

20	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, cầu, càng chữ C, ngâm nước	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc ánh sáng xanh và lọc tia cực tím 4. Thiết kế: Cầu, càng chữ C 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ $\geq 12,5\text{mm}$ đến $\leq 13\text{mm}$ 6. Đường kính quang học Từ $\geq 6\text{mm}$ đến $\leq 6,5\text{mm}$ 7. Chỉ số khúc xạ: Từ $\geq 1,46$ đến $\leq 1,47$ 8. Chỉ số Abbe: Chỉ số Abbe: ≥ 58 9. Dãy công suất: Từ -20.0D đến +30.0D 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và EC hoặc tương đương 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	1.000
21	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, phi cầu, càng chữ C, ngâm nước	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc ánh sáng xanh 4. Thiết kế: Phi cầu, càng chữ C 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ $\geq 12\text{mm}$ đến $\leq 13\text{mm}$ 6. Đường kính quang học: Từ $\geq 5,5\text{mm}$ đến $\leq 6.0\text{mm}$ 7. Chỉ số khúc xạ: Từ $\geq 1,46$ đến $\leq 1,47$ 8. Chỉ số Abbe: ≥ 58 9. Dãy công suất: Từ -10.0D đến + 40.0D 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và EC hoặc tương đương 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	900

22	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 2 càng, không ngâm nước	1. Loại tiêu cự: Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu 2. Chất liệu: Acrylic không ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc tia cực tím và lọc ánh sáng xanh 4. Thiết kế: Phi cầu, 2 càng, có lớp phủ Heparin 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ $\geq 12\text{mm}$ đến $\leq 13\text{mm}$ 6. Đường kính quang học: Từ $\geq 6\text{mm}$ đến $\leq 6,5\text{mm}$ 7. Chỉ số khúc xạ: Từ $\geq 1,48$ đến $\leq 1,49$ 8. Chỉ số Abbe: ≥ 50 9. Dãy công suất: Từ $+4.0\text{D}$ đến $+34.0\text{D}$ 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và EC hoặc tương đương 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	500
23	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, phi cầu, 4 càng, ngâm nước	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu 2. Chất liệu: Acrylic ngâm nước 3. Lọc các tia: Lọc tia cực tím 4. Thiết kế: Phi cầu, 4 càng, cầu sai $\geq -0,17\mu\text{m}$ đến $\leq -0,15\mu\text{m}$ 5. Chiều dài tổng thể (hay kính thước tổng thể): Từ $\geq 11\text{mm}$ đến $\leq 13\text{mm}$ 6. Đường kính quang học: Từ $\geq 6\text{mm}$ đến $\leq 6,5\text{mm}$ 7. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.46 8. Chỉ số Abbe: ≥ 58 9. Dãy công suất: Từ -10.0D đến $+40.0\text{D}$ 10. Chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO và EC hoặc tương đương 11. Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu 12. Dụng cụ đặt: Kèm theo dụng cụ đặt	G7 hoặc Châu Âu	Cái	200
	Tổng cộng: (23 khoản)				

Phụ lục 2: CÁC BIỂU MẪU

Mẫu số 01

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Mắt Nam Quảng Trị

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Mắt Nam Quảng Trị, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh], Mã số thuế:.....

Báo giá cho các hoá chất, thiết bị y tế như sau:

Stt	Stt mời chào giá	Tên hoá chất, thiết bị y tế	Tên thương mại	Ký mã hiệu/ chủng loại (nếu có)	Mã HS (nếu có)	Năm sản xuất (nếu có)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Hàng hoá 1	...										
		Hàng hoá 2	...										
		...	...										

1. Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo hành và toàn bộ các loại thuế (VAT), phí liên quan.
2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 180 ngày, kể từ ngày 26/02/2026.
3. Chúng tôi cam kết:
 - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về báo giá của hàng hoá, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá và nâng khống giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
4. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: (ghi rõ thông tin người phụ trách báo giá, số điện thoại)

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



BẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Kèm theo Báo giá ngày

Stt	Stt mời chào giá	Danh mục hoá chất, thiết bị y tế	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đáp ứng yêu cầu chào giá		
				Tên hàng hoá, ký mã hiệu/chủng loại (nếu có)	Hãng/nước sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (1)
		Hàng hoá 1				Tài liệu tham chiếu (2)
		Hàng hoá 2				
		...				

(1) Ghi chính xác cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá chào giá.

(2) Chỉ dẫn tài liệu chứng minh cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hoá chào giá./.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))